CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG CỦA NGƯỜI DÂN CHÂU Á THEO NHO GIÁO: QUAN NIỆM VỀ HẠNH PHÚC

(Phần hai)[1]

DOH CHULL SHIN*

Người dịch: *Nguyễn Khánh Hương*

Chia sẻ hạnh phúc

Như ở các khu vực khác, người dân ở khu vực châu Á theo Nho giáo sống trong các hoàn cảnh khác nhau và đối mặt với các tình huống rất khác nhau. Họ cũng nhìn nhận mọi việc khác nhau trong cuộc sống riêng của mình. Kết quả là, ngay cả những người sống trong cùng một xã hội có thể không đánh giá những việc trong đời giống nhau. Nhóm người nào ở khu vực này hạnh phúc nhất và ít hạnh phúc nhất? Chúng tôi nghiên cứu vấn đề này trên cơ sở năm biến số: giới tính, tuổi tác, tình trạng hôn nhân, học vấn và thu nhập gia đình.

Bảng 2: Trải nghiệm hạnh phúc ở các nhóm dân số

	Quốc gia							
Biến số	Trung Quốc	Hồng Kông	Nhật Bản	Hàn Quốc	Singapore	Đài Loan	Việt Nam	Vùng
Giới								
Nam	56%	51%	55%	50%	77%	46%	67%	57%
Nữ	60	50	64	63	80	55	64	63
(chênh lệch)	(4)	(1)	(9)	(13)	(3)	(9)	(3)	(6)
Tuổi								
20-39	57	57	61	65	81	53	67	63
40-59	57	46	56	52	76	45	63	57
60+	64	38	65	37	81	57	68	57
(Chênh lệch)	(7)	(19)	(9)	(28)	(5)	(12)	(5)	(6)
Tình trạng kết hôn								
Độc thân	48	55	41	52	73	55	56	55
Kết hôn	61	48	67	57	81	48	71	62
(Chênh lệch)	(13)	(7)	(26)	(5)	(8)	(7)	(15)	(7)
Trình độ giáo dục								
Dưới cấp III	54	39	44	36	77	49	62	56
Cấp III	60	55	57	57	79	47	67	59
Đại học	64	70	65	65	82	57	69	66
(Chênh lệch)	(10)	(31)	(21)	(29)	(5)	(10)	(7)	(10)
Thu nhập								
Thấp	54	41	54	48	72	51	54	53
Vừa	64	56	61	60	83	48	69	62
Cao	71	69	68	63	79	56	75	72
(Chênh lệch)	(17)	(28)	(14)	(21)	(11)	(8)	(21)	(19)

Nguồn: Điều tra AB 2004.

* TS.; Khoa Khoa học Chính trị, Đại học Missouri, Colombia, Mỹ.

[1] Phần một đăng trên Tạp chí NCCN số 6 (2009).

Bảng 2 cho thấy tỷ lệ người tỏ ra hạnh phúc trong 13 nhóm dân số. Trong khu vực theo Nho giáo này, phụ nữ hạnh phúc hơn nam giới (63% so với 57 %). Đặc biệt ở Nhật Bản, Hàn Quốc và Đài Loan, gần 10% phụ nữ nói họ hạnh phúc hơn chồng. Chỉ có ở Hồng Công và Việt Nam là nam giới hạnh phúc bằng hay hơn một chút so với nữ giới. Trong bảy xã hội này, sự khác biệt về hạnh phúc giữa hai giới thể hiện lớn nhất ở Hàn Quốc, nơi 50 % nam giới nói họ không hạnh phúc. Sự khác biệt ít nhất là ở Hồng Kông, nơi duy nhất một nửa số phụ nữ được hỏi nói không hạnh phúc.

Bảng 2 cũng cho thấy trong khu vực châu Á theo Nho giáo, nhóm người trẻ nhất trong ba nhóm có nhiều người hạnh phúc nhất. Số người trong độ tuổi 20 và 30 sống hạnh phúc lớn hơn số người hạnh phúc trong nhóm tuổi cao hơn (63% so với 57%). Hơn nữa, trong số ba nhóm tuổi, thanh niên là nhóm duy nhất có đa số, từ 53% (ở Đài Loan) tới 81% (ở Singapore), nói họ hạnh phúc. Trong trường hợp nhóm tuổi trung niên và già, những người hạnh phúc chiếm đa số trong năm xã hội. Ở Hồng Kông và Đài Loan, đa số người trong độ tuổi 60 hay già hơn cũng không hạnh phúc trong cuộc sống. Những kết quả này cho thấy, thanh niên sống hạnh phúc hơn những người nhiều tuổi hơn họ.

Tuy nhiên, bảng 2 cho thấy người già hạnh phúc hơn hay bằng những người trẻ hơn họ ở Trung Quốc, Nhật Bản, Singapore, Đài Loan và Việt Nam. Chỉ có ở Hồng Kông và Hàn Quốc (những nơi tuổi càng cao thì số người hạnh phúc càng giảm), số người già sống hạnh phúc ít hơn số người trẻ tuổi. Rõ ràng, mối quan hệ giữa hạnh phúc và tuổi tác thay đổi từ dương sang âm trong khu vực có cùng văn hóa này.

Bảng 2 cũng cho thấy mức độ của mối quan hệ này cũng khác nhau đáng kể trong khu vực. Ví dụ, ở Hàn Quốc, số thanh niên sống hạnh phúc vượt số người già sống hạnh phúc 28%. Ở Singapore và Việt Nam, sự chênh lệch giữa hai nhóm tuổi này chỉ lên tới 5% nghiêng về thanh niên. Khi xem xét tất cả các kết quả này, khó có thể xác định nhóm tuổi nào là hạnh phúc nhất. Tuy nhiên, ở trong cả bảy xã hội theo Nho giáo, có một điều không nghi ngờ là nhóm tuổi trung niên hạnh phúc ít nhất. Trong các xã hội này, tuổi tác có ý nghĩa nhiều nhất ở Hàn Quốc và Hồng Kông, và ít nhất ở Singapore và Việt Nam.

So sánh giữa người kết hôn và chưa kết hôn ở khu vực châu Á theo Nho giáo nói chung, ta thấy số người kết hôn nói họ hạnh phúc nhiều hơn số người chưa kết hôn (62% so với 55%). Tuy nhiên, sự chênh lệch này không luôn đúng ở cả bảy xã hội này. Ở Hồng Kông và Đài Loan, số người chưa kết hôn sống hạnh phúc nhiều hơn số người kết hôn (55% so với 48%). Chỉ có hai xã hội này đa số người chưa kết hôn sống hạnh phúc trong khi đa số người kết hôn sống không hạnh phúc. Khi xem xét tất cả những sự khác biệt này, sự khác biệt về tình trạng hôn nhân thể hiện lớn nhất ở Nhật Bản với số người kết hôn sống hạnh phúc nhiều hơn số người chưa kết hôn 26%. Sự khác biệt ít nhất là ở Hàn Quốc, nơi sự chênh lệch về tuổi tác ảnh hưởng nhiều nhất. Giống như tuổi tác, hôn nhân ảnh hưởng một cách khác nhau trong khu vực này.

Bảng 2 cho thấy mối quan hệ vững chắc và tỷ lệ thuận giữa trình độ học vấn và hạnh phúc trong cả bảy xã hội trong khu vực này. Trình độ học vấn càng cao, tỷ lệ người hạnh phúc càng nhiều. Kết quả là tỷ lệ người hạnh phúc trong số những người có trình độ cấp hai hay thấp hơn là thấp nhất và tỷ lệ người hạnh phúc trong số những người có trình độ đại học là cao nhất. Mô hình này đúng ở cả bảy xã hội này, trừ Đài Loan, nơi có tỷ lệ người hạnh phúc trong số những người có trình độ trung học thấp nhất. Ngay cả ở Đài Loan, cũng như tất cả các xã hội khác, tỷ lệ người hạnh phúc trong nhóm người có trình độ đại học là cao nhất.

Ở phần lớn các xã hội theo Nho giáo, trong đó có Hồng Kông, Nhật Bản, Hàn Quốc và Đài Loan, đa số người dân không học trung học không có cuộc sống hạnh phúc. Ở Hồng Kông và Hàn Quốc, hơn 3/5 số người ít học hành nhất không có cuộc sống hạnh phúc. Trái lại, đa số người học đại học ở cả bảy xã hội này sống hạnh phúc. Ở Hồng Kông, Singapore và Việt Nam, hơn 2/3 những người có học vấn cao nhất sống hạnh phúc. Khi xem xét tất cả những sự khác biệt này, trình độ học vấn ảnh hưởng nhiều nhất tới hạnh phúc ở Hồng Kông và Hàn Quốc, nơi những người có trình độ đại học có nhiều khả năng có hạnh phúc gấp đôi những người không học hành hay ít học vấn. Học vấn ảnh hưởng ít nhất đến hạnh phúc ở Singapore và Việt Nam, nơi đa số (trong mọi nhóm học vấn) nói họ hạnh phúc.

Cũng như trình độ học vấn, thu nhập càng lớn thì hạnh phúc càng nhiều. Ở khu vực châu Á theo Nho giáo nói chung, con người càng có nhiều tiền cuộc sống của họ càng hạnh phúc. Mối quan hệ tỷ lệ thuận này hoàn toàn đúng ở Trung Quốc, Hồng Kông, Nhật Bản, Hàn Quốc và Việt Nam. Trong năm xã hội này, nhóm dân giàu nhất là nhóm hạnh phúc nhất và nhóm dân nghèo nhất là nhóm có ít hạnh phúc nhất. Trái lại, nhóm có thu nhập trung bình là nhóm có hạnh phúc nhất ở Singapore song là nhóm có ít hạnh phúc nhất ở Đài Loan. Mặc dù có những sự khác biệt này song tất cả các xã hội theo Nho giáo giống nhau ở chỗ đa số người có thu nhập cao sống hạnh phúc.

Tuy nhiên, trong bảy xã hội này có sự biến đổi lớn về mức độ thu nhập ảnh hưởng đến hạnh phúc. Ở Hồng Kông, Hàn Quốc và Việt Nam, tỷ lệ người hạnh phúc trong số những người có thu nhập cao lớn hơn 20% so với tỷ lệ người hạnh phúc trong số những người có thu nhập thấp. Ở Đài Loan, con số này là 8% và ở Hồng Kông là 0,25%. Thu nhập mang lại hạnh phúc lớn hơn cả ở bảy xã hội theo Nho giáo, và điều này có nghĩa là một số xã hội có hạnh phúc lớn hơn nhiều.

Trong khu vực châu Á theo Nho giáo, nhóm dân số nào có nhiều khả năng và ít khả năng nhất sống hạnh phúc? Có sự khác biệt giữa các xã hội Nho giáo này hay không? Để giải đáp các câu hỏi này, chúng tôi so sánh tỷ lệ người hạnh phúc trong số 13 nhóm dân số trong bảng 2 và phát hiện ra 2 nhóm người đặc biệt có tỷ lệ hạnh phúc lớn nhất và thấp nhất trong mỗi xã hội. Đối với mỗi xã hội, bảng 3 mô tả hai nhóm người hạnh phúc nhất trong số 13 nhóm. Nó cũng mô tả hai nhóm người ít hạnh phúc nhất trong số 13 nhóm này.

Bảng 3: Hạnh phúc ít nhất và nhiều nhất ở các nhóm dân số

Quốc gia	Hạnh phúc ít nhất	Hạnh phúc nhiều nhất
Trung Quốc	Chưa kết hôn Thu nhập thấp	Giáo dục bậc đại học Thu nhập cao
Hồng Kông	Tuổi cao Giáo dục bậc thấp	Giáo dục bậc đại học Thu nhập cao
Nhật Bản	Chưa kết hôn Giáo dục bậc thấp	Đã kết hôn Thu nhập cao
Hàn Quốc	Tuổi cao Giáo dục bậc thấp	Giáo dục bậc đại học Thu nhập cao
Singapore	Chưa kết hôn Thu nhập thấp	Giáo dục bậc đại học Thu nhập vừa
Đài Loan	Tuổi trung niên Nam	Giáo dục bậc đại học Tuổi cao
Việt Nam	Chưa kết hôn Thu nhập thấp	Thu nhập cao Đã kết hôn

Nguồn: AB 2004.

Bảng 3 cho thấy trong toàn khu vực châu Á theo Nho giáo, những người ít hạnh phúc nhất nằm trong 6 nhóm dân số khác nhau, trong đó có nhóm chưa kết hôn, người già, học vấn thấp, thu nhập thấp, trung niên, và nam giới. Trong sáu nhóm này, người chưa kết hôn thường được xếp vào loại có hạnh phúc ít nhất ở Trung Quốc, Nhật Bản, Singapore và Việt Nam. Những người có thu nhập cao và có trình độ đại học phần nhiều là những người hạnh phúc nhất. Ở Trung Quốc, Hồng Kông, Nhật Bản, Hàn Quốc và Việt Nam, những người có thu nhập cao là một trong hai nhóm người hạnh phúc nhất. Ở Trung Quốc, Hồng Kông, Hàn Quốc, Singapore và Đài Loan, những người có trình độ đại học là một trong hai nhóm người này. Trên cơ sở những kết quả này, sẽ là công bằng khi kết luận rằng các nhóm người hạnh phúc nhất và ít hạnh phúc nhất khác nhau trong khu vực này. Mặc dù có những sự khác nhau này, người chưa kết hôn với thu nhập hay học vấn thấp là những người ít hạnh phúc nhất trong khu vực và ngược lại.

Cho đến bây giờ, chúng ta đã thấy mức độ tự đánh giá về hạnh phúc không đồng đều như thế nào giữa các nhóm người với 5 biến số khác nhau. Trong những biến số này, học vấn và thu nhập là hai biến số thể hiện sự chia sẻ hạnh phúc không đồng đều (chênh nhau 10% hay cao hơn ở phần lớn các xã hội Nho giáo).

Với lý do này, chúng tôi kết hợp những giá trị của chúng thành chỉ số các nguồn lực kinh tế - xã hội 5 điểm và xác định các xã hội, nơi các nguồn lực ảnh hưởng nhiều nhất và ít nhất đến hạnh phúc. Điểm 1 trong chỉ số này nói đến người có thu nhập thấp với trình độ chưa hết trung học và điểm 5 nói đến người có thu nhập cao với trình độ đại học.

Từ phân tích trên, chúng tôi cho rằng mức độ nguồn lực kinh tế - xã hội cao hơn kéo theo mức độ hạnh phúc tương ứng, Trái ngược với nhận định này, bảng 4 cho thấy việc có thêm các nguồn lực không luôn mang lại sự hạnh phúc lớn hơn. Ví dụ ở Đài Loan,

người hạnh phúc nhất là những người nằm ở giữa chỉ số chứ không phải ở đáy chỉ số. Ở Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore và Việt Nam, người hạnh phúc nhất không phải là những người nằm ở đỉnh chỉ số. Chỉ có ở Trung Quốc và Hồng Kông là những người hạnh phúc nhất và những người ít hạnh phúc nhất nằm ở hai đầu chỉ số. Điều này cho thấy, học vấn cao hơn và sự giàu có hơn không luôn mang lại hạnh phúc cho nhiều người trong phần lớn các xã hội Nho giáo.

Bảng 4: Tỷ lệ trải nghiệm hạnh phúc theo các nguồn kinh tế xã hội

	Chỉ số nguồn kinh tế - xã hội						
Quốc gia	1	2	3	4	5	Chênh lệch	(eta)
Trung Quốc	52%	57%	61%	68%	71%	(19%)	(.13)*
Hồng Kông	33	47	57	70	76	(43)	(.26)*
Nhật Bản	40	52	57	69	66	(29)	(.16)*
Hàn Quốc	37	48	60	69	67	(32)	(.23)*
Singapore	69	82	81	77	79	(13)	(.13)*
Đài Loan	54	48	43	55	68	(24)	(.13)*
Việt Nam	53	62	67	75	73	(20)	(.16)*
Vùng	50	57	60	69	71	(20)	(.14)*

Nguồn: AB 2004.

Số liệu bảng 4 cũng cho thấy mức độ ảnh hưởng lớn đến hạnh phúc của các nguồn lực này. Ví dụ ở Hồng Kông, người có thu nhập cao với trình độ đại học có nhiều khả năng gấp đôi hưởng cuộc sống hạnh phúc so với những người có thu nhập thấp và học vấn hạn chế (76% so với 33%). Giữa hai nhóm này có sự chênh lệch lớn (43%). Trong khi đó ở Singapore, sự chênh lệch này là 10% (79% so với 69%). Theo số liệu cho thấy những sự chênh lệch này, Hồng Kông và Hàn Quốc là hai xã hội Nho giáo mà nguồn lực kinh tế - xã hội dẫn đến sự không đồng đều về hạnh phúc lớn nhất. Singapore, Trung Quốc và Việt Nam là ba xã hội, nơi các nguồn lực dẫn đến sự không đồng đều về hạnh phúc ít nhất.

Khái niệm hạnh phúc

Xem xét tài liệu triết học về hạnh phúc, chúng tôi đã xác định ba yếu tố quan trọng mang lại hạnh phúc. Đó là sự thích thú, sự thành đạt và sự thỏa mãn các nhu cầu cơ bản. Trong số các yếu tố này, yếu tố nào tạo nên các khái niệm phổ biến nhất và ít phổ biến nhất trong đa số người dân ở khu vực này? Đa số người dân so sánh hạnh phúc với việc có được một hay hai yếu tố này hay không? Hay là họ so sánh hạnh phúc với việc có cả ba yếu tố. Trong phần này, chúng tôi tìm hiểu các câu hỏi này bằng cách gắn hạnh phúc với sự thích thú, sự thành đạt hay sự thỏa mãn hay kết hợp giữa các yếu tố này. Cụ thể là, trong số những người đánh giá cuộc sống của họ là hạnh phúc, chúng tôi tính toán tỷ lệ người chỉ có một yếu tố, hai yếu tố và cả ba yếu tố. So sánh những tỷ lệ khác nhau, chúng tôi thử xác định các khái niệm hạnh phúc phổ biến nhất và ít phổ biến nhất ở mỗi xã hội theo Nho giáo và cả khu vực theo Nho giáo này nói chung.

Theo số liệu trong bảng 5, chỉ có 1/50 (2%) số người ở khu vực này nói họ hạnh phúc mà không cần có bất kỳ yếu tố nào trong số những yếu tố này. Ở Singapore và Việt Nam, không có ai nói có cuộc sống hạnh phúc mà không có ít nhất một trong ba yếu tố tích cực này. Trong năm xã hội còn lại, chỉ có một số lượng nhỏ, chiếm từ 1% ở Nhật Bản cho đến 5% ở Đài Loan, sống hạnh phúc mà không có bất kỳ một yếu tố nào. Vì vậy, đối với đa số người dân ở các xã hội theo Nho giáo, sự thích thú, sự thành đạt, và sự thỏa mãn dường như là ba thành tố cốt yếu của hạnh phúc.

Bảng 5: Khái niệm hạnh phúc

Khái niệm	**Quốc gia**							
Loại hình	Trung Quốc	Hồng Kông	Nhật Bản	Hàn Quốc	Singapore	Đài Loan	Việt Nam	Vùng
Một khía cạnh								
Sự thích thú	7%	7%	2%	11%	1%	5%	8%	5%
Thành đạt	3	3	1	1	0	2	0	1
Thoả mãn	3	8	2	1	2	9	0	3
	13	18	5	14	3	16	8	9
Hai khía cạnh								
Thích thú và thành đạt	19	11	5	15	1	10	19	11
Thích thú và thoả mãn	10	11	17	18	13	18	15	14
Thành đạt và thoả mãn	3	7	2	2	2	4	0	3
	22	29	24	34	16	32	34	28
Ba khía cạnh								
Thích thú , thành đạt và thoả mãn	51	51	71	51	81	47	58	60
Không có gì như trên	**4**	**4**	**1**	**2**	**0**	**5**	**0**	**2**

Nguồn: Điều tra AB 2004.

Tuy nhiên, việc xem xét kỹ lưỡng số liệu trong bảng 5 cho thấy, không phải một trong ba yếu tố này mang lại cuộc sống hạnh phúc cho đa số người dân. Ở châu Á theo Nho giáo, nói chung, chỉ có 1/11 (9%) người dân nói họ hạnh phúc khi chỉ có một trong ba yếu tố. Ở Nhật Bản và Singapore, con số này thậm chí ở mức thấp hơn, ở mức tương ứng 5% và 3%. Ở các xã hội theo Nho giáo còn lại, con số này dao động từ 8% ở Việt Nam lên tới 18% ở Hồng Kông. Vì vậy, đối với đa số người dân (chiếm 82% tới 97% dân số của khu vực) thì hạnh phúc bắt nguồn từ việc có nhiều hơn một yếu tố trên.

Ở Nhật Bản, hơn 2/3 (71%) số người nói họ hạnh phúc là nhờ có cả ba yếu tố này, trong khi ở Singapore là 4/5 (81%). Trong năm xã hội còn lại, trừ Đài Loan (47%), 50 tới 60% số người nói họ hạnh phúc là nhờ có cả ba yếu tố này. Khi xem xét cả bảy xã hội, những người sống hạnh phúc nhờ có cả ba yếu tố này gấp hơn 2 lần số người sống hạnh phúc nhờ hai yếu tố (60% so với 28%), và gấp hơn 6 lần số người sống hạnh phúc

nhờ một yếu tố (60% so với 9%). Ở khu vực châu Á theo Nho giáo, phần lớn người dân mô tả hạnh phúc theo đa chiều cạnh.

Khái niệm hạnh phúc đa chiều cạnh chiếm đa số ở hầu hết các nhóm dân số có đặc điểm khác nhau. Bảng 6 cho thấy tỷ lệ người hạnh phúc trong mỗi nhóm nhờ có cả ba yếu tố này. Ví dụ, ở Trung Quốc, trong nhóm của những người đàn ông nói về hạnh phúc, 51% nói về cả ba yếu tố này.

Trong số 5 đặc điểm ở bảng 6, chỉ có đặc điểm về giới tính là có ít ảnh hưởng. Khi xem xét cả bảy xã hội này, không có sự khác biệt nào giữa hai giới trong cách nhìn của họ về hạnh phúc như một hiện tượng gồm ba yếu tố (60% so với 60%). Chỉ có ở Nhật Bản, phụ nữ nói đến nhiều yếu tố cấu thành hạnh phúc hơn nam giới (73% so với 69%), nhưng ở Hàn Quốc và Đài Loan, phụ nữ nói ít yếu tố đem lại hạnh phúc hơn nam giới (49% so với 52%, và 44% so với 50%).

Bảng 6: Khái niệm hạnh phúc đa chiều cạnh ở các nhóm dân số

	Quốc gia							
Biến số	Trung Quốc	Hồng Kông	Nhật Bản	Hàn Quốc	Singapore	Đài Loan	Việt Nam	Vùng
Giới								
Nam	51%	49%	69%	52%	82%	50%	59%	60%
Nữ	53	51	73	49	81	44	56	60
(chênh lệch)	(2)	(2)	(4)	(4)	(1)	(6)	(3)	(0)
Tuổi								
20-39	51	49	63	49	82	41	57	57
40-59	52	50	76	53	80	55	57	62
60+	58	56	78	47	86	48	66	66
(Chênh lệch)	(7)	(7)	(15)	(6)	(6)	(14)	(9)	(9)
Tình trạng kết hôn								
Độc thân	45	41	60	50	83	39	55	55
Kết hôn	53	57	73	50	80	51	59	62
(Chênh lệch)	(8)	(16)	(13)	(0)	(3)	(12)	(4)	(7)
Trình độ giáo dục								
Dưới cấp III	43	47	72	43	77	49	53	58
Cấp III	53	52	71	48	87	41	55	59
Đại học	65	53	70	54	81	54	65	64
(Chênh lệch)	(22)	(6)	(2)	(11)	(10)	(10)	(12)	(6)
Thu nhập								
Thấp	44	44	67	44	73	37	51	51
Vừa	59	50	75	52	79	47	54	59
Cao	69	60	79	61	90	60	68	73
(Chênh lệch)	(25)	(16)	(12)	(17)	(17)	(23)	(17)	(22)

Nguồn: Điều tra AB 2004.

Tuổi tác ảnh hưởng nhiều hơn đến hạnh phúc so với giới tính và các yếu tố mang lại hạnh phúc. Trong năm xã hội theo Nho giáo, tuổi tác tỷ lệ thuận với hạnh phúc đa chiều cạnh. Ở Trung Quốc, Nhật Bản, Hồng Kông, Singapore và Việt Nam, tuổi tác đi kèm với việc tăng các chiều cạnh của hạnh phúc. Ở trong các xã hội này, hạnh phúc nhiều mặt thường thấy nhất trong số người ở độ tuổi 60 và lớn hơn. Tuy nhiên, ở Hàn Quốc và Đài Loan, hạnh phúc nhiều mặt xuất hiện nhiều nhất ở lứa tuổi trung niên, trong độ tuổi 40 và 50. Mặc dù chỉ là sự thay đổi vừa phải nhưng đây là bằng chứng cho thấy rõ ràng người dân trong khu vực nhìn nhận về hạnh phúc đa chiều hơn khi họ về già. Trong toàn bộ khu vực, 66% số người già, so với 57% số thanh niên coi hạnh phúc phải bao gồm cả ba yếu tố trên.

Giống như tuổi tác, tình trạng hôn nhân có ảnh hưởng lớn ở Trung Quốc, Nhật Bản, Hồng Kông, Đài Loan và Việt Nam. Ở những nước này, người kết hôn nói về nhiều yếu tố mang lại hạnh phúc hơn người chưa kết hôn, có thể vì nhiều người kết hôn lớn tuổi hơn người chưa kết hôn. Ở Hồng Kông, Nhật Bản và Đài Loan, 12-16% số người đã kết hôn nói họ hạnh phúc nhờ nhiều yếu tố. Ở toàn bộ khu vực này, tỷ lệ người kết hôn sống hạnh phúc nhờ nhiều yếu tố hơn 7% so với người chưa kết hôn.

Học vấn cũng ảnh hưởng nhiều ở phần lớn các xã hội, chỉ có ở hai nơi là Hồng Kông và Nhật Bản là có sự khác biệt ít giữa những người có học vấn thấp hay không được học hành và người có trình độ đại học. Ở năm xã hội còn lại, sự chênh lệch này lớn hơn 10%, và tỷ lệ người nói về nhiều yếu tố mang lại hạnh phúc là cao nhất trong số những người có trình độ đại học. Ở Trung Quốc, Hàn Quốc và Việt Nam, học vấn cao đi kèm với tỷ lệ người nói về nhiều yếu tố mang lại hạnh phúc hơn. Mặt khác, ở Singapore và Đài Loan, những người có học thức cao nhất không phải là những người có hạnh phúc nhiều mặt nhất và ngược lại. Nói chung, ở các xã hội Nho giáo, học vấn là nguyên nhân khiến cho con người đòi hỏi nhiều yếu tố hơn ở hạnh phúc, song không rõ tại sao nó giữ một vai trò quan trọng hơn ở một số xã hội.

Trong năm biến số này, thu nhập ảnh hưởng nhiều nhất đến việc thôi thúc người dân trong khu vực châu Á theo Nho giáo coi hạnh phúc là một hiện tượng nhiều mặt. Ở trong cả khu vực, tỷ lệ người coi hạnh phúc có nhiều mặt tăng từ 51% trong số người có thu nhập thấp đến 59% số người có thu nhập trung bình và 73% số người có thu nhập cao. Có sự chênh lệch lớn (22%) giữa hai nhóm thu nhập cao và thu nhập thấp. Hơn nữa, mối quan hệ tỷ lệ thuận này đúng ở cả bảy xã hội. Rõ ràng, thu nhập cao hơn cho phép người dân ở khu vực châu Á theo Nho giáo mưu cầu một cuộc sống hạnh phúc trên nhiều mặt.

Dựa vào những kết quả trên, sẽ có ích khi xem xét học vấn và thu nhập ảnh hưởng đến các khái niệm hạnh phúc nhiều mặt. Bảng 7 cho biết tỷ lệ người có hạnh phúc nhiều mặt với các nguồn lực kinh tế xã hội khác nhau. Trong toàn bộ khu vực, hạnh phúc nhiều mặt luôn xuất hiện nhiều hơn ở những người có hai mức nguồn lực cao nhất so với những người có hai mức nguồn lực thấp nhất. Điều này cho thấy các nguồn lực kinh tế xã hội thúc đẩy con người đến với quan niệm về hạnh phúc như vậy. Tuy nhiên, trong bảy xã hội Nho giáo, có sự khác biệt đáng kể về phân bổ số người có hạnh phúc đa

chiều cạnh. Ở Trung Quốc, Hồng Kông, Hàn Quốc và Đài Loan, những người có hai hay ba mức nguồn lực cao nhất chiếm đa số trong số những người quan niệm về hạnh phúc có nhiều mặt. Trong khi đó, ở Nhật Bản, Singapore và Việt Nam, những người với các nguồn lực ở mức bốn hay năm cao nhất chiếm số lượng lớn trong số những người hạnh phúc đa chiều cạnh.

Bảng 7: Khái niệm hạnh phúc đa chiều cạnh theo mức độ nguồn kinh tế xã hội

	Mức độ nguồn kinh tế xã hội					
Quốc gia	Thấp nhất	Thấp	Giữa	Cao	Cao nhất	(eta)
Trung Quốc	40%	49%	58%	67%	72%	(.23)
Hồng Kông	45	45	52	52	68	(.11)
Nhật Bản	79	67	73	72	81	(.10)
Hàn Quốc	42	41	53	55	61	(.14)
Singapore	68	79	87	86	90	(.19)
Đài Loan	31	50	45	51	57	(.14)
Việt Nam	46	54	56	65	68	(.15)
Vùng	48	58	61	64	73	(.14)

Nguồn: Điều tra AB 2004.

Theo bảng 7, sự khác nhau giữa nguồn lực cao nhất và thấp nhất là đáng kể. Ở tất cả các xã hội, trừ Nhật Bản, nơi sự chênh lệch là 3%, những người có nhiều nguồn lực nhất có quan niệm về hạnh phúc nhiều mặt hơn những người có ít nguồn lực nhất. Ở Hồng Kông, Hàn Quốc, Singapore và Việt Nam, khoảng 1/5 những người có nhiều nguồn lực nhất là những người có quan niệm hạnh phúc ở nhiều mặt. Ở Trung Quốc và Đài Loan, sự chênh lệch giữa hai nhóm này cao hơn và thậm chí tới hơn 1/4. Những kết quả này cho thấy rõ, sự giàu có và học vấn thôi thúc người dân châu Á theo Nho giáo coi hạnh phúc là một hiện tượng nhiều mặt. Rõ ràng, cách các nguồn lực kinh tế xã hội ảnh hưởng đến quan niệm về hạnh phúc của con người khác nhau ít nhiều ở các xã hội khác nhau.

Cách con người có hạnh phúc ảnh hưởng tới mức độ hạnh phúc hay không? Có phải những ai có hạnh phúc nhờ nhiều yếu tố, nhiều khả năng sẽ có hạnh phúc hơn những người có ít yếu tố hay không? Trong bảng 8, chúng tôi tìm hiểu câu hỏi này bằng cách xem xét một cuộc sống "rất hạnh phúc" và các khái niệm hạnh phúc trên nhiều mặt khác nhau. Ở trong mỗi xã hội theo Nho giáo và toàn khu vực này, tỷ lệ những người sống "rất hạnh phúc" lớn nhất trong nhóm người có nhiều yếu tố mang lại hạnh phúc và thấp nhất trong nhóm người có ít yếu tố. Trong mỗi xã hội, sự chênh lệch giữa hai nhóm là lớn hơn 10% nghiêng về nhóm thứ nhất. Ở Singapore, những người có nhiều yếu tố hạnh phúc có nhiều khả năng gấp bảy lần có một cuộc sống hạnh phúc so với những người có một yếu tố (36% so với 5%). Những kết quả này cho thấy, những người có nhiều yếu tố hạnh phúc sống rất hạnh phúc chiếm một tỷ lệ lớn hơn nhiều bất chấp những biến đổi trong hệ thống kinh tế chính trị nơi họ sống. Hơn nữa, ở khu vực này, học vấn và thu nhập tạo điều kiện cho người dân sống rất hạnh phúc.

Bảng 8: Tỷ lệ " rất hạnh phúc" với trải nghiệm hạnh phúc khác nhau

Quốc gia	Một chiều cạnh	Hai chiều cạnh	Ba chiều cạnh	(Difference)	(eta)
Trung Quốc	25%	26%	40%	(15)	(.18)
Hồng Kông	5	11	17	(12)	(.14)
Nhật Bản	15	24	28	(13)	(.07)
Hàn Quốc	8	17	29	(21)	(.20)
Singapore	5	35	36	(31)	(.11)
Đài Loan	22	28	41	(19)	(.19)
Việt Nam	44	57	61	(17)	(.10)
Vùng	18	30	36	(18)	(.14)

Nguồn: Điều tra AB 2004.

Các yếu tố cấu thành cơ bản

Ở cả bảy xã hội theo Nho giáo, chúng tôi nhận thấy rằng sự thích thú, sự thành đạt và sự thỏa mãn các nhu cầu cơ bản là ba yếu tố cơ bản mang lại một cuộc sống hạnh phúc. Trong số ba yếu tố này, yếu tố nào là quan trọng nhất để có một cuộc sống hạnh phúc? Bảy xã hội thống nhất hay bất đồng trong cách đánh giá yếu tố nào là quan trọng nhất? Chúng tôi xem xét các câu hỏi này bằng cách so sánh tỷ lệ người nói không hạnh phúc trong số những người không có một trong ba yếu tố này. Mối tương quan giữa việc không có yếu tố này với việc không có hạnh phúc càng lớn thì yếu tố này càng quan trọng.

Bảng 9 cho thấy mức độ đánh giá ba yếu tố này của người dân trong bảy xã hội khác nhau nhiều. Ví dụ, ở Hồng Kông, chỉ có sự chênh lệch 4% giữa các mức đánh giá về tầm quan trọng của ba yếu tố. Điều này có nghĩa là cả ba yếu tố gần như có mức quan trọng như nhau. Ở Singapore và Việt Nam, sự chênh lệch giữa mức đánh giá cao nhất và mức đánh giá thấp nhất là 30%. Ở Singapore, số người coi sự thỏa mãn các nhu cầu cơ bản là yếu tố thiết yếu lớn hơn số người coi sự thành đạt là yếu tố thiết yếu 30%. Ở Việt Nam, số người coi sự thích thú là yếu tố thiết yếu lớn hơn số người coi sự thành đạt là yếu tố thiết yếu 34%. Trong các xã hội Nho giáo, không có sự nhất trí trong việc đánh giá yếu tố nào là cơ bản nhất của hạnh phúc.

Bảng 9: Tỷ lệ của các yếu tố cấu thành hạnh phúc cơ bản

Quốc gia	Sự thích thú (%)	Sự thành đạt (%)	Sự thoả mãn (%)
Trung Quốc	72	64	61
Hồng Kông	71	67	71
Nhật Bản	82	63	76
Hàn Quốc	88	64	64
Singapore	71	49	79
Đài Loan	75	61	68
Việt Nam	84	48	51
Vùng	77	61	65

Nguồn: Điều tra AB 2004.

Khi xem xét kỹ số liệu trong bảng này ta thấy có ba cách đánh giá. Ở phần lớn các xã hội Nho giáo - Hồng Kông, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan và Việt Nam - sự thích thú được coi là yếu tố quan trọng nhất và sự thành đạt là yếu tố ít quan trọng nhất. Ở Trung Quốc cũng vậy, sự thích thú được đánh giá là yếu tố quan trọng nhất. Đối với người Trung Quốc, yếu tố ít quan trọng nhất là sự thỏa mãn chứ không phải sự thành đạt. Ở Singapore, yếu tố quan trọng nhất là sự thỏa mãn, khá trái ngược với ở Trung Quốc. Yếu tố ít quan trọng nhất ở Singapore là sự thành đạt. Số liệu cho thấy có sự nhất trí lớn hơn là bất đồng đối với yếu tố quan trọng nhất và ít quan trọng nhất trong khu vực này. Trong số ba yếu tố, sự thích thú là yếu tố quan trọng nhất trong khi sự thành đạt là yếu tố ít quan trọng nhất.

Bảng 10: Mô tả sự khác biệt giữa các yếu tố cấu thành hạnh phúc theo biến số

	Trung Quốc			Hồng Kông			Nhật Bản			Hàn Quốc			Singapore			Đài Loan			Việt Nam		
	Sự thích thú	Thành đạt	Thỏa mãn	Sự thích thú	Thành đạt	Thỏa mãn	Sự thích thú	Thành đạt	Thỏa mãn	Sự thích thú	Thành đạt	Thỏa mãn	Sự thích thú	Thành đạt	Thỏa mãn	Sự thích thú	Thành đạt	Thỏa mãn	Sự thích thú	Thành đạt	Thỏa mãn
GT																					
1	69	64	71	73	64	62	86	66	80	91	63	71	72	52	73	81	66	73	76	47	50
2	74	70	70	70	63	59	77	58	70	84	58	87	71	47	84	67	55	63	89	50	53
T																					
1	63	60	64	71	62	62	81	59	70	81	55	53	69	43	82	73	56	66	77	46	49
2	78	70	75	71	65	61	86	68	83	87	67	69	72	54	75	79	69	76	90	53	50
3	81	89	82	80	65	57	73	62	72	95	70	80	86	53	88	64	57	61	100	54	50
KH																					
1	61	58	60	79	70	69	86	79	81	91	62	71	80	59	89	75	53	62	91	54	60
2	77	74	76	69	61	59	80	52	72	87	60	62	67	45	72	75	65	71	77	50	47
GD																					
1	81	77	79	71	65	61	90	84	80	92	66	83	67	52	79	76	65	69	86	51	55
2	67	63	65	78	59	58	86	65	80	88	61	57	83	58	88	73	63	67	70	45	49
3	49	41	54	69	65	63	75	60	69	83	53	58	80	39	67	76	53	69	90	49	49
TN																					
1	83	78	76	75	65	63	87	70	78	91	67	69	74	52	89	70	61	60	91	59	63
2	61	60	65	60	56	54	81	65	78	86	56	62	62	39	63	77	61	71	67	38	43
3	59	46	68	56	58	53	84	50	78	81	52	48	82	60	80	73	60	70	71	42	43

Nguồn: Điều tra AB 2004.

Ghi chú: GT: giới tính, T: tuổi, KH: tình trạng kết hôn, GD: giáo dục, TN: thu nhập.

Bảng 10 so sánh cách đánh giá ba yếu tố này trong 15 nhóm dân số khác nhau của mỗi xã hội để xác định xem liệu có sự đánh giá giống nhau hay khác nhau đối với yếu tố quan trọng nhất và ít quan trọng nhất. Ở Hồng Kông, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan và Việt Nam, tất cả các nhóm đều đánh giá sự thích thú và thành đạt là yếu tố quan trọng nhất và ít quan trọng nhất. Cũng như năm xã hội này, tất cả các nhóm dân số ở Trung Quốc, trừ nhóm có thu nhập cao, đánh giá sự thích thú là yếu tố quan trọng nhất. Đối với nhóm này, sự thỏa mãn chứ không phải sự thành đạt là ít quan trọng nhất. Ở Singapore, tất cả các nhóm dân số đều đánh giá sự thỏa mãn là yếu tố quan trọng nhất và sự thành đạt là yếu tố ít quan trọng nhất. Tuy nhiên, trong mỗi xã hội, có sự nhất trí lớn giữa các nhóm dân số về sự cần thiết của ba yếu tố này. Rõ ràng, chính các đặc điểm của các xã hội quyết định yếu tố nào là quan trọng hơn chứ không phải cá nhân người dân.

Nguồn gốc hạnh phúc

Điều gì làm con người hạnh phúc? Các nhà kinh tế cho rằng, tiền và các loại tài chính khác là động lực dẫn tới một cuộc sống hạnh phúc (Cumins 2000; Frey và Stutzer 2002; Easterlin 2001, 2003; Lane 1993). Các nhà xã hội học thì cho rằng vốn kiến thức, các kỹ năng, vốn sống và các mối quan hệ cá nhân là các nguồn gốc quan trọng của hạnh phúc (Helliwell và Putnam 2004; Lu và Shih 1997). Trong khi đó, các nhà tâm lý học cho rằng sự đánh giá tương đối của một cá nhân về cuộc sống của anh ta so với cuộc sống của những người khác hình thành các khái niệm về hạnh phúc (Diener et al. 1999; Campell 1981; Veenhoven 1991).

Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu trước đây, chúng tôi chọn ra bốn biến số đại diện cho bốn yếu tố ảnh hưởng đến hạnh phúc. Đó là thu nhập gia đình, trình độ học vấn, tình trạng hôn nhân, và mức sống. Chúng tôi đưa giới tính và tuổi tác vào phân tích như các biến số điều chỉnh để đánh giá ảnh hưởng thực của bốn biến số độc lập đối với hạnh phúc (Andrew et al 1973). Đối với mỗi xã hội Nho giáo và khu vực này nói chung, bảng 11 cho thấy hệ số beta và R trong phân tích.

Bảng 11: Phân tích hạnh phúc theo biến số

	Quốc gia							
Biến số	Trung Quốc	Hồng Kông	Nhật Bản	Hàn Quốc	Singapore	Đài Loan	Việt Nam	Vùng
Giới	.05	.00	.05	.10	.03	.09	.01	.05
Tuổi	.05	.06	.02	.13	.07	.08	.05	.08
Tình trạng kết hôn	.10	.04	.28	.12	.10	.03	.17	.10
Giáo dục	.07	.13	.10	.08	.02	.06	.03	.04
Thu nhập	.02	.07	.05	.04	.06	.06	.14	.06
Thành đạt	.26	.31	.25	.33	.25	.08	.15	.25
R	.31	.40	.41	.43	.29	.18	.29	.31

Nguồn: Điều tra AB 2004.

Trong bốn biến số độc lập, biến số nào ảnh hưởng nhiều nhất và ít nhất đến cuộc sống hạnh phúc trong các xã hội Nho giáo? Những biến số này có khác nhau ở mỗi xã hội hay không? Hệ số beta trong bảng 11 cho thấy biến số độc lập nào là có ảnh hưởng nhiều nhất và ảnh hưởng ít nhất đến hạnh phúc. Trong mỗi xã hội, biến số có ảnh hưởng lớn nhất là mức sống của người trả lời so với những người khác. Các biến số còn lại, trong đó có hai biến số điều chỉnh là giới tính và tuổi tác, có ảnh hưởng ít hơn. Biến số đánh giá chủ quan về mức sống là biến số duy nhất có hệ số lớn trong bảy xã hội theo Nho giáo. Trong năm xã hội - Trung Quốc, Hồng Kông, Hàn Quốc, Singapore và Đài Loan - độ lớn của hệ số này vượt độ lớn của bất kỳ các hệ số nào của ba biến số còn lại. Chỉ có ở Việt Nam và Nhật Bản, hôn nhân có hệ số lớn hơn hệ số của mức sống.

Các kết quả này cho thấy rõ sự so sánh giữa các cá nhân về mức sống ảnh hưởng lớn nhất đến các khái niệm về hạnh phúc ở khu vực này. Các kết quả cũng cho thấy, sự đánh giá chủ quan về các điều kiện sống ảnh hưởng đến cuộc sống nhiều hơn hay trực tiếp hơn sự đánh giá khách quan về các điều kiện sống.

Trong số ba biến số độc lập còn lại, chỉ có hôn nhân ảnh hưởng đáng kể đến hạnh phúc ở phần lớn các xã hội Nho giáo. Ở Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore và Việt Nam, mối quan hệ giữa chúng được đánh giá là có ý nghĩa về mặt thống kê. Ở Hồng Kông và Đài Loan, hôn nhân không ảnh hưởng lớn đến việc có một cuộc sống hạnh phúc khi ảnh hưởng của các biến số khác bị kiểm soát. Trái lại, học vấn có ảnh hưởng lớn đến hạnh phúc ở Hồng Kông và Nhật Bản. Điều ngạc nhiên là, chỉ có ở Việt Nam, thu nhập gia đình ảnh hưởng đáng kể đến hạnh phúc. Ở sáu xã hội còn lại, tiền không mua được hạnh phúc. Do đó, chúng tôi kết luận rằng, ở khu vực châu Á theo Nho giáo, yếu tố xã hội ảnh hưởng nhiều đến yếu tố hạnh phúc hơn yếu tố tài chính.

Kết luận

Ở khu vực châu Á theo Nho giáo, cũng như các khu vực khác trên thế giới, mọi người nói chung đều mong muốn một cuộc sống hạnh phúc. Con người hạnh phúc ở mức độ nào? Điều gì mang lại cuộc sống hạnh phúc? Các điều kiện khách quan trong cuộc sống hay những đánh giá chủ quan về các điều kiện sống quyết định mức độ hạnh phúc của con người? Trên cơ sở các cuộc điều tra mới nhất của AB ở bảy xã hội theo Nho giáo, chúng tôi tìm cách giải đáp các câu hỏi này và các câu hỏi khác liên quan đến việc các nhóm dân số khác nhau hiểu và đánh giá hạnh phúc như thế nào.

Để tìm hiểu các câu hỏi chưa được giải đáp đầy đủ trong nghiên cứu trước đây về châu Á, trước hết chúng tôi đặt khái niệm hạnh phúc trong bối cảnh cuộc sống một cá nhân và sau đó để người đó đánh giá hạnh phúc của mình theo các tiêu chuẩn riêng của chính người đó. Chúng tôi xem xét các tài liệu triết học để xác định xem ba yếu tố cơ bản mang lại hạnh phúc. Qua đó, chúng tôi phân tích các cuộc điều tra để xác định các yếu tố riêng hay sự kết hợp giữa các yếu tố này đem lại một cuộc sống hạnh phúc cho những người dân thường ở khu vực châu Á theo Nho giáo. Chúng tôi cũng phân tích các cuộc điều tra để so sánh mức độ và nguồn gốc của hạnh phúc trong khu vực và từng xã hội.

Các nghiên cứu trước đây cho thấy các mức độ ít ỏi của người dân châu Á (Diener và Oishi 2002; Ng.2002). Các cuộc điều tra của AB trong năm 2006 cho thấy, những người "hạnh phúc" và những người "không hạnh phúc lắm" chiếm đa số trong mỗi xã hội theo Nho giáo. Tuy nhiên, tỷ lệ những người trả lời rằng họ hạnh phúc thì khác nhau đáng kể ở bảy xã hội. Các tỷ lệ này ở Singapore, Việt Nam, Nhật Bản và Trung Quốc cao hơn nhiều so với ở Hồng Kông, Hàn Quốc và Đài Loan. Những tỷ lệ này cũng khác nhau đáng kể giữa các nhóm dân số trong các xã hội này. Trong năm biến số, học vấn và thu nhập ảnh hưởng nhiều nhất đến hạnh phúc, nhiều nhất ở Hồng Kông và Hàn Quốc. Khi xem xét cả năm biến số, người chưa kết hôn và có thu nhập thấp ít hạnh phúc nhất trong khi người có trình độ đại học và có thu nhập cao hạnh phúc nhất ở khu vực này.

Trong khu vực, hạnh phúc không chỉ là sự vui vẻ về tinh thần; nó là sự đánh giá tích cực về cuộc sống, sự đánh giá chính thể luận về những trải nghiệm trong cuộc sống. Nó không chỉ là sự thích thú mà còn là sự đạt được các mục tiêu hay sự thỏa mãn các mong muốn và nhu cầu. Ở phần lớn các xã hội Nho giáo, sự thích thú so với sự thành đạt hay thỏa mãn có ý nghĩa nhiều hơn đối với hạnh phúc. Tuy nhiên, riêng cảm giác thích thú không mang lại một cuộc sống hạnh phúc trong đông đảo người dân khu vực này. Khi

người dân có được sự thích thú, thành đạt hay thỏa mãn, lúc đó họ thấy hạnh phúc hay rất hạnh phúc. Khi tuổi cao và giàu có hơn, người dân khu vực này có quan điểm hạnh phúc trên nhiều phương diện. Kết quả là, các khái niệm hạnh phúc trên nhiều phương diện (đa chiều cạnh) xuất hiện nhiều nhất ở Nhật Bản và Singapore, hai nước giàu nhất trong khu vực này. Việc các quan niệm như vậy xuất hiện nhiều ở khu vực này là thách thức trực tiếp đối với quan niệm hạnh phúc đơn thuần của chủ nghĩa khoái lạc tầm thường ở phương Tây (Bradburn 1969; Bradburn và Capilovitz 1965; Campbell 1981).

Để xác định điều gì đóng góp lớn nhất cho hạnh phúc ở khu vực này, chúng tôi phân tích ba điều kiện sống và những đánh giá chủ quan về các điều kiện này. Trong số ba điều kiện này, hôn nhân ảnh hưởng nhiều nhất đến hạnh phúc. Trong khi đó, thu nhập gia đình là ít ảnh hưởng nhất. Trong các xã hội Nho giáo chú trọng đến cộng đồng nhiều hơn cá nhân (Bell 2006; de Barry 1998; Lu và Gilmore 2004; Uchida 2004; Diener và Suh 2000) mối quan hệ cá nhân ảnh hưởng đến hạnh phúc nhiều hơn kiến thức hay sự giàu có. Tuy nhiên, ở khu vực này hôn nhân không ảnh hưởng nhiều nhất đến hạnh phúc mà là mức sống riêng của từng người (Andrews và Withey 1976; Campbell et al. 1976; Diener 2000). Về điểm này, khu vực châu Á theo Nho giáo giống nhiều hơn là khác các khu vực khác trên thế giới.

Tài liệu tham khảo:

1. Annas, Julia. 2004. "Happiness as Achiement," Daedalus 133 (2), 44-51.

2 .Andrews, Frank et al. 1973. Multiplication Classification Analysis. Ann

3. Arbor: University of Michigan Institute for Social Research.

4. Andrews, Frank M. and Stephen B. Withey. 1976. Socal Indicatiors of Well-being: Americans' Perceptions of Life Quality. New York: Plenum Press.

5. Argyle, Michael. 1987. The Psychology of Happiness. London: Methuen.

6 Aristotle. Nichomachean Ethics. 1998. Oxford: Oxford University Press.

7. Austin, John. 1968. "Pleasure and Happiness," Philosophical Studies 25, 1-20.

8. Bentham, Jeremy. 1996. An Introduction to the Principle of Morals and Legislation. Eds. J. H. Burns and H. L. Hart. Oxford: Clarendon Press.

9 Biwas-Dienter, Robert, Ed Diener, and Maya Tamir. 2004. "The Psychology of Subjective Well-Being," Daedalus 133 (2), 18-25.

10. Bradburn, Norman. 1969. The structure of Psychological Well-Being, Chicago: Aldine.

11. Bradburn, Norman and David Capilovitz. 1965. Reports on Happiness. Chicago. Aldine.

12. Cameron, Peter. 1975. "Social Stereotypes: Three Faces of Happiness," Psychology Today.

13. Chiang, S.M. 1996. The Philosophy of Happiness: A History of Chinese Life Philosophy Taipei, Hong Yei Publication.

14. Campbell, Angus. 1981. The sense of Well-Being in America: Recent Patterns and Trends. New York: McGraw-Hill.

15. Campbell, Angus, Philip E. Converse, and Willard L. Rodgers. 1976. The Quality of American Life. New York: Russell Sage Foundation.

16. Chu, Kim-Prieto et al. 2005. "Integrating the Diverse Definitions of Happiness," Journal of Happiness 6 (3), 261-300.

17. Cumins, Robert. 2000. "Personal Income and Subjective Well-Being," Journal of Happiness Studies 1 (2), 133-58.

18. De Barry, 1998. Asian Values and Human Rights: A Confucian Communitarian Perspective. Cambridge: Havard University Press.

19. Diener Ed. 2000. "Subjective Well-Being: The Science of Happiness and a Proposal for a National Index," American Psychologist 55 (1), 34-43.

20. Diener, Ed and Shigehero Oishi. 2002. "Are Scandinavians Happier than Asians?" in Frank Columbus, ed., The Politics and Economics of Asia. Hauppauge, NY: Nova Science Publishers.

21. Diener, Ed and Martin E. P. Seligman, "Beyond Money: Toward an Economy of Well-Being," Psychological Science in the Public Interest 5 (1), 1-31.

22. Diener, Ed. And E. M. Suh, 2000. Culture and Subjective Well-Being. Cambridge, MA. MIT Press.

23. Diener, ED, E. M. Suh, R. E. Lucas and H. Smith. 1999. "Subjective Well-Being: Three Decades of Progress," Psychological Bulletin 125, 276-302.

24. Easterlin, Richard. 2001. "Income and Happiness: Towards a Unified Theory," The Economic Journal, 111 (July 2001), 465-484.

25. Easterlin, Richard 2003. "Explaining Happiness," Proceedings of the National Academy of Sciences 100 (19), September 16, 2003, 11176-11183.

26. Frey, Bruno S. and Alois Stutzer. 2002. Happiness and Economics: How the Economy and Institutions Affect Human Well-Being. Princeton: Princeton University Press.

27. Furman, Adrian and Helen Cheng. 1999. "Personaltiy as Predictor of Mental Health and Happiness in the East and West," Peronality and Individual Differences 27, 395-403.

28. Furnham, Adrian and Helen Cheng. 2001. "Lay Theories of Happiness," Journal of Happiness 1 (2), 227-246.

29. Hudson, Deal W. 1996. Happiness and the Limits of Satisfaction. Lantham: Rowman and Littlefield.

30. Haybron, Daniel. 2000. "Two Philosophical Problems in the Study of Happiness," Journal of Happiness Studies 1 (1), 207-225.

31. Helliwell, John F. and Robert D. Putnam, 2004. "The Social Context of Well-Being," The Royal Society 359, 1435-1446.

32. Kingwell, Mark. 2000. In Pursuit of Happiness: Better Living from Plato to Prozac, Crown Publishing Group.

33. Kitayama, Shinoru, H. Takagi and H. Matsumoto. 1995. "Cultural Psychology of Japanese Self," Japanese Psychological Review 38, 247-80.

34. Lane, Robert E. 2000. The Loss of Happiness in Market Democracies. New Haven: Yale University Press.

35. Lane, Robert. 1993. "Does Money Buy Happiness?" Public Interest 113 (Fall), 56-64.

36. Locke, John. 1960. Second Treatise of Civil Government. Chapter IX, section 123.

37. Lu, Luo. 2001. "Understanding Happiness: A Look into the Chinese Folk Psychology," Journal of Happiness Studies 2, 407-432.

38. Lu, Luo and Robin Gilmour. 2004. "Culture and Conceptions of Happiness," Journal of Happiness Studies 5 (3), 269-291.

39. Lu, Luo and J. B. Shih. 1997. "Sources of Happiness: A Qualitative Approach," Journal of Social Psychology 137, 181-7.

40. McCall, S. 1975. "Quality of Life," Social Indicators Research, 2. 229-248.

41. McKeon, R. 1941. The Basic Works of Aristotl. New York: Random House.

42. Ng, Yew-Kwang. 2002. "The East-Asian Happiness Gap," Pacific Economic Review 7 (1).